TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1008/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Ông Nguyễn Văn Quang

2/- Bà Lê Thị Xuân Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 296/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 175/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 235/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T.T.N.D, sinh năm 1992
HKTT: Số A, đường B, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông H.P.L, sinh năm 1987
HKTT: Số a, đường b, Phường c, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà T.T.N.D trình bày: Bà và ông H.P.L tìm hiểu thời gian khoảng một năm rồi mới đi đến hôn nhân. Ông bà tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, không có tổ chức đám cưới nhưng sau đó có đăng ký kết hôn vào ngày 16/6/2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường c Quận 3 cấp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà ông Lộc ở số a, đường b, Phường c, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi bà sinh con là vào

tháng 3/2011 thì không còn chung sống cùng nhau nữa. Nguyên nhân là do ông L không lo làm ăn, cũng như không chia sẻ với bà việc chăm sóc, nuôi dạy con cũng như không phụ giúp bà về kinh tế trong gia đình mà chỉ lo chơi, chẳng những không phụ giúp bà nuôi con mà còn đánh đập, chửi bới bà. Do vậy mà dần phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Cả hai thật sự ly thân từ 20/5/2017 cho đến nay. Thời gian ly thân, ông L vẫn chứng nào tật nấy, không có thiện chí hàn gắn tình cảm nên nay bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có nên yêu cầu được ly hôn ông Lộc.

Về con chung: Có 01 con chung tên là H.T.N.A, sinh ngày 19/3/2011. Nếu ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp giữ nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà T.T.N.D: Vắng mặt.

- Bị đơn ông H.P.L: Vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy các yêu cầu của nguyên đơn bà T.T.N.D là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà T.T.N.D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn bà T.T.N.D yêu cầu ly hôn với bị đơn ông H.P.L có nơi cư trú tại Quận 3. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

- Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 27/7/2018, nguyên đơn bà T.T.N.D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con không có sự tham gia của Bà. Qua đó, Bà xác định: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông H.P.L, yêu cầu được trực tiếp giữ nuôi con chung tên H.T.N.A, sinh ngày 19/3/2011. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt bà D.

- Bị đơn ông H.P.L đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc

thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn bà T.T.N.D:

Bà T.T.N.D và ông H.P.L chung sống vào năm 2009, có tổ chức đám cưới nhưng đến năm 2015 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường c, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/6/2015. Như vậy, quan hệ hôn nhân của bà D và ông L là hôn nhân hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

[2.1]. Xét yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn do ông L không làm tròn trách nhiệm của một người chồng, người cha, thiếu sự quan tâm, chăm sóc vợ con, không phụ giúp bà D về kinh tế mà còn đánh đập, chửi bới bà D. Mặc dù bà D đã cho ông Lnhiều cơ hội để hàn gắn nhưng ông L vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi. Cả hai đã ly thân từ 20/5/2017, mạnh ai nấy sống, không còn chung sống trong một nhà từ tháng 3/2011 cho đến nay. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn ông L.

Tại Công văn số 365/UBND ngày 05/7/2018 của Ủy ban nhân dân Phường c, Quận 3 trả lời Công văn số 588/TAQ3 ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3 và tại kết quả xác minh của Công an Phường c, Quận 3 trả lời Công văn số 805/TAQ3 ngày 09/7/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3 về việc xác minh tình trạng mâu thuẫn hôn nhân và gia đình của đương sự có nội dung như sau: “Qua xác minh tại địa phương, trong thời gian chung sống với nhau, ông H.P.L và bà T.T.N.D có mâu thuẫn về vấn đề kinh tế gia đình. Ông L và bà D có một người con chung tên là H.T.N.A, sinh năm 2011, hiện tại bé N.A đang sinh sống cùng mẹ là bà T.T.N.D”.

Xét yêu cầu ly hôn của bà D, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng ngày càng rạn nứt kéo dài từ tháng 3/2011 dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Cả hai đã ly thân từ 20/5/2017 và chấm dứt cuộc sống chung, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau. Mặt khác, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến Tòa để trình bày ý kiến nêu nguyện vọng của mình chứng tỏ ông L không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như yêu cầu nuôi con. Từ các cơ sở nêu trên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Dung và ông L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có. Do đó, bà D yêu cầu được ly hôn với ông L là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình chung sống, bà T.T.N.D và ông H.P.L có 01 con chung tên H.T.N.A sinh ngày 19/3/2011.

Xét, Bản tự khai đề ngày 09/5/2018 của H.T.N.A thì trẻ có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao trẻ N.A cho bà D tiếp tục trực tiếp giữ nuôi để trẻ được phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức và ổn định cuộc sống.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà D về việc không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

[2.4]. Về tài sản: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng Luật Thi hành án Dân sự.

***Tuyên xử*:**

1/. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn bà T.T.N.D:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T.T.N.D được ly hôn ông H.P.L.

- Về con chung: Giao bà D trực tiếp giữ nuôi con chung tên H.T.N.A sinh ngày 19/3/2011.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà D phải chịu và được tính cấn trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0020366 ngày 06/3/2018 của

Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Dung đã nộp đủ án phí.

3/. Về quyền kháng cáo: Bà D, ông L được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ánh Phượng